

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Đinh Chí Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên Đ: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp KL, xã TT, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị Đ: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại Đ khởi kiện ngày 14/6/2024 ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Đ và bà T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/5/2019. Thời gian chung

sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T.

Thời gian chung sống ông Đ và bà T có con chung tên Nguyễn Văn TT, sinh ngày 29/7/2019 hiện bà T nuôi dạy. Khi ly hôn ông Đ thống nhất giao bà T tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên ông Đ không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T thống nhất với phần trình bày của ông Đ về các mối quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung. Do vợ chồng bà sống chung không còn hạnh phúc và ly thân từ năm 2022 đến nay nên bà T thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông Đ. Con chung bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên bà T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Đ có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Đ và bà T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/5/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu

thuần không thể hàn gắn được nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T. Tại phiên tòa, bà T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Đ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà T vắng mặt tại phiên hòa giải, ông Đ có yêu cầu vắng mặt khi xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Nguyễn Văn TT, sinh ngày 29/7/2019. Xét thấy, tại Đ khởi kiện ông Đ thống nhất giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện do bà T nuôi dạy nên việc hoán đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm cháu TT. Tại phiên tòa bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dạy là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa bà T xác định hiện nay tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn TT, sinh ngày 29/7/2019 (giới tính nam) cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dạy. Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 14 tháng 6 năm 2024 ông Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016281 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Lệ Hoa – Đình Chí Hiển

Nguyễn Kiều T